| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN CÁT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 08/2024/LĐ - ST
Ngày: 7 – 6 – 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng lao động

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Hồng Diễm Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh – Nhân viên xí nghiệp Phát triển Công nghiệp và Đầu tư M.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở thuộc Trung tâm y tế thành phố B, tỉnh Bình Dương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-LĐ ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Danh M, sinh năm 1992; Nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tám trú: Số 39/40, đường số 02, ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Lô A, khu công nghiệp M, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1984; Nơi thường trú: A, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày

23/4/2024), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K – Chức vụ: Giám đốc. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Danh M trình bày:***

Ông M làm việc tại Công ty TNHH SX-TM Dây & Cáp Điện T. Nơi làm việc là Số 192, T, khu phố 4, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2012 đến tháng 09/2022. Sau khi nghĩ việc, ông M đến bảo hiểm xã hội để thực hiện thủ tục nhận tiền bảo hiểm, lúc này ông mới được biết Công ty Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Lô A, khu công nghiệp M, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương tham gia bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014 do đó bị trùng. Ông khẳng định, từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014, ông không làm việc tại Công ty Cổ phần T nên ông không rõ lý do vì sao lại có sự việc này. Nay ông M yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014 giữa người lao động có thông tin họ tên Danh M với Công ty Cổ phần T. Ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

***Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty Cổ phần T – do bà Phạm Thị Thanh H đại diện trình bày:***

Công ty Cổ phần T xác nhận vào thời điểm từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014, phía công ty có tuyển dụng và nhận được hồ sơ xin tuyển dụng của người lao động có thông tin: Danh M, sinh năm 1992; CMND 365862588 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/11/2007. Phía công ty có ký kết hợp đồng lao động và nhận vào làm việc, tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời gian làm việc tại công ty từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014. Sau đó người lao động nghỉ việc. Do thời gian đã lâu và qua nhiều lần thay thế nhân sự phụ trách lưu kho, sổ sách nên hồ sơ của người lao động phía công ty không còn lưu trữ. Đến nay, phía công ty xác nhận, không xác định được người lao động thực tế đã làm việc tại công ty có đúng với người lao động có thông tin thể hiện trong hợp đồng lao động hay không. Đến khi công ty nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì công ty mới biết có sự trùng sổ bảo hiểm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công ty xin trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ của người lao động có tên Danh M. Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014 giữa ông Danh M với Công ty

Cổ phần T là vô hiệu thì Công ty Cổ phần T không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

***Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B trình bày:***

Công ty Cổ phần T đóng bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động- Bệnh nghề nghiệp cho thông tin Danh M, sinh năm 1992, số CMND 365862588, với mã số BHXH: 7410308936 từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014. Ông Danh M chưa hưởng chế độ 1 lần, đã hưởng BHTN theo Quyết định số 67065, ngày 25/12/2014 (số tháng đã hưởng 06 tháng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[1.2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần T và ông Danh M. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần T thừa nhận có Hợp đồng nhưng thời gian đã lâu nên thất lạc. Như vậy có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty Cổ phần T và người lao động có thông tin Danh M. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Danh M và công ty TNHH SX-TM Dây & Cáp Điện T có ký kết hợp đồng lao động và ông làm việc tại Công ty từ tháng 10/2012 đến tháng 09/2022 thì nghỉ, được công ty tham gia BHXH, BHYT đầy đủ. Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của ông M được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội sổ số: 7912257022.

Bị đơn Công ty Cổ phần T xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Danh M và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014, sau đó chấm dứt việc làm. Hiện hồ sơ công ty không còn lưu giữ, cũng không xác định được người làm việc trên thực tế có đúng với thông tin của người lao động trong hồ sơ xin việc hay không.

Như vậy, công ty Cổ phần T và Công ty TNHH SX-TM Dây & Cáp Điện T tham gia bảo hiểm xã hội cho ông M từ tháng 10/2012 đến tháng 10/2014. Tuy nhiên, thực tế ông M chỉ làm việc tại Công ty TNHH SX-TM Dây & Cáp Điện T, không làm việc tại công ty Cổ phần T. Do đó, hợp đồng ký kết giữa ông Danh M và công ty Cổ phần T vô hiệu do vi phạm quy định tại Điều 122 và điểm b, c khoản 1 Điều 117.

[2.2] Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu được xác định theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn đều không xác định được người đã có thời gian thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.2] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 127; 131 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh M về việc "tranh chấp về hợp đồng lao động" với bị đơn Công ty Cổ phần T.

Tuyên bố, Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Danh M và Công ty Cổ phần T từ tháng 10/2010 đến tháng 10/2014, vô hiệu.

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Hồng Diễm Phúc**